

CHARACTERISTICS OF ANTIDIABETIC DRUGS OF OUTPATIENTS WITH TYPE 2 DIABETES MELLITUS AT VO TRUONG TOAN UNIVERSITY HOSPITAL IN 2024

Pham Thi Yen Nhi, Nguyen Ngoc Cam Quyen, Nguyen Thi Thanh Tuyen

Vo Truong Toan University - National Highway 1A, Thanh Xuan, Can Tho City

Received 31/07/2025

Revised 27/08/2025; Accepted 23/09/2025

ABSTRACT

Introduction: Diabetes mellitus is a chronic metabolic disorder characterized by high blood sugar levels (hyperglycemia) due to a deficiency of insulin. This study aims to describe the general characteristics of outpatients with type 2 diabetes mellitus and their use of antidiabetic drugs at Vo Truong Toan University Hospital in 2024.

Method: This study involved 191 outpatients diagnosed with type 2 diabetes mellitus at Vo Truong Toan University Hospital between January and June 2024.

Results: The mean age of all patients was 60.5 years. A majority of the participants were female (60.7%). Most patients had comorbid conditions (74%), with dyslipidemia (94.2%) and hypertension (84.8%) being the most prevalent. In terms of treatment, Gliclazide and Insulin were the most frequently prescribed medications, accounting for 99% and 96.9% of prescriptions, respectively. Additionally, a majority of patients received combination therapy (58%), with the most common regimen being Metformin combined with Glimepiride (43.3%).

Conclusion: The study shows that patients with type 2 diabetes mellitus were appropriately treated at Vo Truong Toan University Hospital in 2024.

*Corresponding author

Email: yennhiptyn284@gmail.com Phone: (+84) 344624688 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD15.3258>



ĐẶC ĐIỂM THUỐC ĐIỀU TRỊ ĐÁI THÁO ĐƯỜNG TYPE 2 CỦA BỆNH NHÂN ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ TẠI BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC VÕ TRƯỜNG TOÀN NĂM 2024

Phạm Thị Yến Nhi, Nguyễn Ngọc Cẩm Quyên, Nguyễn Thị Thanh Tuyền

¹Trường Đại học Võ Trường Toàn-QL1A, Thạnh Xuân, Thành Phố Cần Thơ

Ngày nhận bài: 31/07/2025

Ngày chỉnh sửa: 27/08/2025; Ngày duyệt đăng: 23/09/2025

TÓM TẮT

Giới thiệu: Đái tháo đường là bệnh rối loạn chuyển hóa mạn tính, đặc trưng bởi tăng đường huyết do thiếu insulin tuyệt đối hoặc tương đối. Bệnh nhân cần điều trị suốt đời để kiểm soát đường huyết và phòng ngừa biến chứng. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm mô tả một số đặc điểm chung của bệnh nhân đái tháo đường type 2 điều trị ngoại trú và đặc điểm thuốc điều trị tại Bệnh viện Đại học Võ Trường Toàn năm 2024.

Phương pháp: Nghiên cứu thu thập dữ liệu trên 191 bệnh nhân đái tháo đường điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Đại học Võ Trường Toàn từ tháng 01 năm 2024 đến hết tháng 06 năm 2024.

Kết quả: Độ tuổi trung bình của 191 bệnh nhân đái tháo đường điều trị ngoại trú là 60,5 và nữ giới chiếm đa số (60,7%). Phần lớn bệnh nhân có bệnh mắc kèm (74%), trong đó rối loạn lipid máu (94,2%) và tăng huyết áp (84,8%) là phổ biến nhất. Về điều trị, Gliclazide và Insulin là hai thuốc được sử dụng nhiều nhất, lần lượt chiếm 99% và 96,9%. Đa số bệnh nhân được kê toa phối hợp thuốc (58%), phổ biến nhất là phối hợp Metformin + Glimepiride (43,3%).

Kết luận: Nghiên cứu cho thấy bệnh nhân tại Bệnh viện Đại học Võ Trường Toàn đã được điều trị với loại thuốc phù hợp.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đái tháo đường là một bệnh lý rối loạn chuyển hóa mạn tính, đặc trưng bởi tình trạng tăng cao đường huyết do thiếu insulin hoặc cơ thể không sử dụng hiệu quả insulin [1], [6]. Năm 2021, toàn cầu có khoảng 537 triệu người mắc, dự kiến tăng lên 643 triệu vào năm 2030; hơn 6,7 triệu ca tử vong liên quan đến bệnh [3]. Tại Việt Nam, năm 2023 ước tính có khoảng 7 triệu người mắc, với tỷ lệ biến chứng trên 55%, gây gánh nặng chi phí điều trị và giảm chất lượng sống [4]. Tại Bệnh viện Đại học Võ Trường Toàn, số lượng bệnh nhân đái tháo đường điều trị ngoại trú ngày càng tăng. Do vậy, nghiên cứu này được thực hiện nhằm mô tả một số đặc điểm chung của bệnh nhân đái tháo đường type 2 điều trị ngoại trú và đặc điểm thuốc điều trị tại Bệnh viện Đại học Võ Trường Toàn năm 2024. Kết quả nghiên cứu góp phần cho hoạt động điều trị tốt hơn cho bệnh nhân đái tháo đường type 2.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thiết kế nghiên cứu

Thiết kế theo phương pháp mô tả thông qua hồi cứu hồ sơ bệnh án.

2.2. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là các toa thuốc của bệnh nhân ngoại trú được chẩn đoán đái tháo đường type 2, điều trị trong thời gian từ tháng 01 năm 2024 đến tháng 06 năm 2024 tại Bệnh viện Đại học Võ Trường Toàn.

2.3. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Từ tháng 01 đến tháng 03 năm 2025 tại Bệnh viện Đại học Võ Trường Toàn.

2.4. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu

Áp dụng phương pháp chọn mẫu toàn bộ, thu thập tất cả toa thuốc trong khoảng thời gian từ tháng 01/2024 đến tháng 06/2024 thỏa điều kiện để đưa vào nghiên cứu.

*Tác giả liên hệ

Email: yennhiptyn284@gmail.com Điện thoại: (+84) 344624688 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD15.3258>

2.5. Nội dung nghiên cứu

1. Một số đặc điểm chung của bệnh nhân đái tháo đường điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Đại học Võ Trường Toản:

Thông tin chung của bệnh nhân: Tuổi, giới tính, chẩn đoán.

Yếu tố nguy cơ và bệnh mắc kèm: Tiền sử gia đình, thừa cân béo phì, stress, chế độ ăn uống, ít vận động, gout, tăng huyết áp, rối loạn lipid máu, bệnh khác.

2. Đặc điểm thuốc điều trị đái tháo đường ở bệnh nhân điều trị ngoại trú:

Danh mục các thuốc điều trị đái tháo đường type 2 trong mẫu nghiên cứu.

Tỷ lệ sử dụng các thuốc đơn trị, phối hợp điều trị trong mẫu nghiên cứu.

2.6. Phương pháp thu thập số liệu

Thu thập số liệu dựa trên toa thuốc của bệnh nhân điều trị ngoại trú được chẩn đoán đái tháo đường type 2 tại Bệnh viện Đại học Võ Trường Toản. Thông tin được ghi lại bằng phiếu thu thập số liệu đã được thiết kế sẵn.

2.7. Ý đức

Nghiên cứu được sự chấp thuận của Ban Giám hiệu nhà trường và lãnh đạo Bệnh viện Đại học Võ Trường Toản. Nghiên cứu này không ảnh hưởng đến thể chất, tinh thần và quá trình điều trị của bệnh nhân. Kết quả nghiên cứu chỉ được sử dụng cho mục đích khoa học, nhằm đưa ra các biện pháp dự phòng và điều trị đái tháo đường chứ không được tiết lộ cho bất kỳ tổ chức hay cá nhân nào khác nếu không có sự đồng ý của các bên tham gia nghiên cứu.

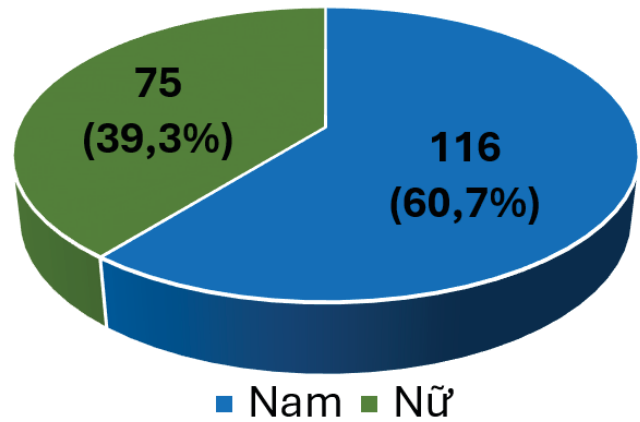
3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm chung của các đối tượng nghiên cứu

Bảng 3.1. Phân bố bệnh nhân theo nhóm tuổi trong nghiên cứu

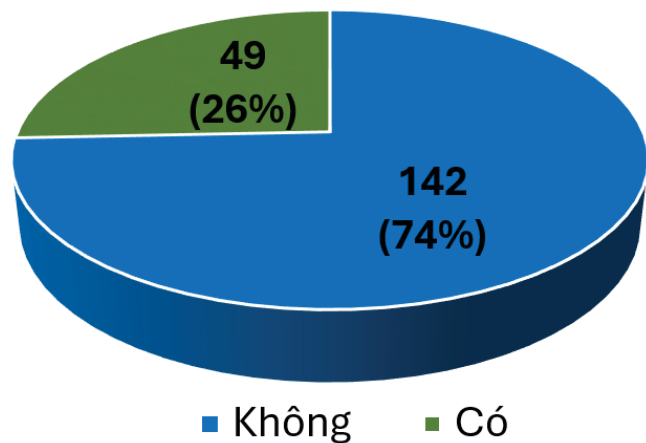
Nhóm tuổi	Số bệnh nhân	Tỷ lệ (%)
30 – 45	15	7,9%
>45	78	40,8%
≥60	98	51,3%
Trung bình ± Độ lệch chuẩn	60,5 ± 0,6	
Tổng	191	100%

Nhận xét: Bệnh nhân có tuổi trung bình là 60,5. Nhóm tuổi từ 30-45 chiếm 7,9 > 45 tuổi chiếm 40,8% và 51,3% bệnh nhân ≥ 60 tuổi.



Biểu đồ 3.1. Tỷ lệ giới tính bệnh nhân trong nghiên cứu

Nhận xét: Bệnh nhân nữ chiếm tỷ lệ 60,7%. Nam chiếm tỷ lệ 39,3%.



Biểu đồ 3.2. Tỷ lệ bệnh nhân có bệnh mắc kèm trong nghiên cứu

Nhận xét: Tỷ lệ bệnh nhân có bệnh mắc kèm của 191 đối tượng trong mẫu nghiên cứu là 74%, 26% bệnh nhân còn lại không có bệnh mắc kèm.

Bảng 2. Tỷ lệ các bệnh mắc kèm trong nghiên cứu

Bệnh mắc kèm	Tình trạng	Số bệnh nhân	Tỷ lệ (%)
Rối loạn lipid	Có	180	94,2%
	Không	11	5,8%
Tăng huyết áp	Có	162	84,8%
	Không	29	15,2%
Bệnh mắc kèm khác	Có	141	74%
	Không	50	26%
Tổng		191	100%

Nhận xét: Bệnh nhân có rối loạn lipid chiếm 94,2%, bệnh nhân có tăng huyết áp chiếm 84,8% bệnh nhân có bệnh mắc kèm khác chiếm 74%.

Bảng 3. Tỷ lệ các bệnh mắc kèm khác trong nghiên cứu

Bệnh mắc kèm khác	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Không có bệnh kèm theo	50	26,2%
Bệnh tim thiếu máu cục bộ	8	4,2%
Bệnh thận	3	1,6%
Bệnh viêm đa dây thần kinh	3	1,6%
Loãng xương	16	8,4%
Dãn tĩnh mạch chi dưới	8	4,2%
Di chứng bệnh mạch máu não	2	1%
Trào ngược dạ dày – thực quản	45	23,5%
Rối loạn chức năng gan	22	11,5%
Xơ vữa động mạch	34	17,8%
Tổng	191	100%

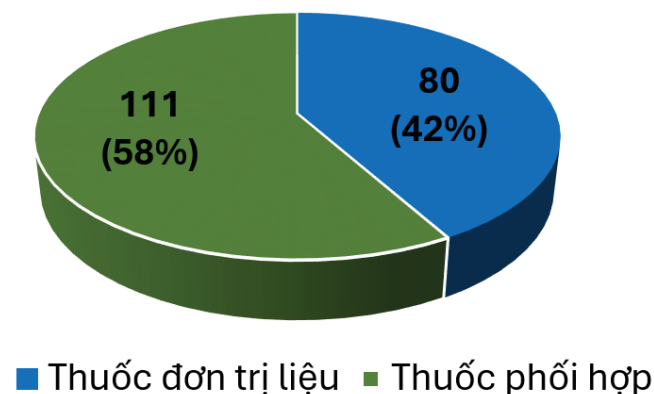
Nhận xét: Các bệnh mắc kèm khác chiếm tỷ lệ cao đáng chú ý là: Bệnh lý về hệ tiêu hóa (bệnh trào ngược dạ dày thực quản chiếm 23,5%) và bệnh lý về tim (bệnh xơ vữa động mạch chiếm 17,8%).

3.2. Đặc điểm thuốc điều trị đái tháo đường type 2

Bảng 3.4. Các thuốc điều trị đái tháo đường type 2

Thuốc	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Metformin	71	37,2%
Glimepiride	150	78,5%
Gliclazide	169	88,5%
Gliclazide	189	99%
Insulin	185	96,9%

Nhận xét: Gliclazide và Insulin là hai thuốc điều trị đái tháo đường type 2 được sử dụng phổ biến nhất, với tỷ lệ lần lượt là 99% và 96,9%. Glimepiride cũng được sử dụng khá nhiều (78,5%), trong khi Metformin có tỷ lệ sử dụng thấp hơn đáng kể (37,2%).

**Biểu đồ 3.3. Tỷ lệ các toa thuốc đơn trị liệu và phối hợp trị liệu**

Nhận xét: Trong mẫu nghiên cứu 191 bệnh nhân thì số toa thuốc đơn trị liệu là 80 chiếm 42%, số toa thuốc phối hợp trị liệu là 111 chiếm 58%.

Bảng 3.5. Các thuốc đơn trị liệu sử dụng trong nghiên cứu

Thuốc	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Gliclazide	2	1,1%
Glimepiride	40	21%
Metformin	38	20%

Nhận xét: Các thuốc trong đơn trị liệu gồm Glimepirid (21%), Metformin (20%) và Gliclazide (1,1%).

Bảng 3.6. Các thuốc phối hợp sử dụng trong nghiên cứu

Thuốc phối hợp	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Gliclazide + Metformin	20	10,5
Insulin + Glimepiride	4	2,1
Metformin + Glimepiride	83	43,3
Metformin + Insulin	1	0,5
Acarbose + Metformin + Glimepiride	2	1
Insulin + Glimepiride + Metformin	1	0,5

Nhận xét: Kết quả cho thấy phối hợp Metformin + Glimepiride là phổ biến nhất trong nghiên cứu, chiếm 43,3%. Các dạng phối hợp khác như Gliclazide + Metformin (10,5%) và Insulin + Glimepiride (2,1%) được sử dụng với tỷ lệ thấp hơn. Các phác đồ phối hợp ba thuốc hoặc kết hợp có Insulin chiếm tỷ lệ rất nhỏ, cho thấy việc phối hợp thuốc chủ yếu tập trung vào hai hoạt chất chính là Metformin và Glimepiride.

4. BÀN LUẬN

4.1. Đặc điểm chung của các đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm về tuổi

Tuổi trung bình của bệnh nhân là $60,5 \pm 0,6$ tuổi, trong đó tuổi nhỏ nhất là 32 tuổi, lớn nhất là 89 tuổi. Độ tuổi trung bình này chênh lệch so với nghiên cứu của Nguyễn Thị Thảo Nguyên (2023) là $65,2 \pm 10,2$ tuổi [2]. Số bệnh nhân có nhóm tuổi ≥ 60 chiếm tỷ lệ cao nhất là 51,3%. So với nghiên cứu của Trương Thị Hiếu thì yếu tố tuổi có liên quan đến tỷ lệ mắc đái tháo đường và tuổi càng cao nguy cơ mắc đái tháo đường càng lớn, những người >45 tuổi có nguy cơ mắc đái tháo đường cao hơn những người <45 tuổi [10]. Trong nghiên cứu của Lê Thị Thúy Quỳnh (2022) gồm 650 đối tượng tại huyện Lâm Tăng, Phú Thọ, tuổi mắc đái tháo đường chủ yếu >45 tuổi là trùng khớp, cho thấy

nhóm tuổi chủ yếu mắc đái tháo đường là >45 không có sự chênh lệch lớn so với nghiên cứu này[5].

Đặc điểm về giới tính

Bệnh nhân mắc đái tháo đường type 2 đa số bệnh nhân mắc bệnh là nữ giới. Trong tổng số 191 đối tượng tăng huyết áp tham gia nghiên cứu tại Bệnh viện Đại học Võ Trường Toàn, từ tháng 01 năm 2024 đến hết tháng 06 năm 2024, nữ chiếm tỷ lệ 60,7%, nam chiếm tỷ lệ 39,3%. Tỷ lệ này tương đồng với kết quả nghiên cứu của Hồng Mỹ Ngọc (2022) tại Cần Thơ nữ chiếm 72,8%, nam chiếm 27,2% [3].

Các bệnh mắc kèm trong nghiên cứu

Rối loạn lipid máu là tình trạng thường gặp ở bệnh nhân đái tháo đường type 2, đặc trưng bởi tăng triglycerid và giảm HDL-C, góp phần làm gia tăng nguy cơ biến chứng tim mạch và đột quỵ. Trong tổng số 191 đối tượng tăng huyết áp tham gia nghiên cứu, thì bệnh nhân có rối loạn lipid chiếm 94,2% (180 bệnh nhân), không rối loạn lipid chiếm 5,8% (11 bệnh nhân), qua đó cho thấy người rối loạn lipid có nguy cơ mắc đái tháo đường rất cao. Tăng huyết áp được tìm thấy là yếu tố nguy cơ liên quan đáng kể với đái tháo đường.

Tăng huyết áp là bệnh lý mắc kèm phổ biến thứ hai với tỷ lệ 84,8%. Trong tổng số 191 đối tượng tăng huyết áp gia nghiên cứu, thì bệnh nhân có tăng huyết áp chiếm 84,8% (162 bệnh nhân), bệnh nhân không có tăng huyết áp chiếm 5,8% (29 bệnh nhân), qua đó cho thấy rằng người tăng huyết áp có nguy cơ mắc đái tháo đường rất cao và ngược lại.

Đái tháo đường cũng là yếu tố nguy cơ độc lập của đột quỵ và bệnh lý mạch máu não. Bệnh nhân đái tháo đường có nguy cơ đột quỵ cao gấp 2–4 lần, tổn thương nặng hơn, hồi phục kém hơn và tử vong cao hơn. Trong nghiên cứu, 17,8% bệnh nhân có xơ vữa mạch ngoài sọ.

Ngoài ra, bệnh lý tiêu hóa chiếm 23,5%, chủ yếu do tác dụng phụ của thuốc điều trị như metformin (gây tiêu chảy, đầy bụng) hoặc acarbose (gây chướng bụng). Các triệu chứng này thường không nghiêm trọng và có thể cải thiện bằng điều chỉnh liều.

4.2. Đặc điểm thuốc điều trị đái tháo đường

Danh mục các thuốc điều trị đái tháo đường type 2 trong nghiên cứu

Các thuốc điều trị đái tháo đường type 2 gặp trong mẫu nghiên cứu gồm các nhóm Biguanide, Sulfonylurea thế hệ 2, ức chế alpha-glucosidase, insulin. Trong đó, thuốc được sử dụng nhiều nhất là Metformin chiếm 62,8% (120 bệnh nhân), Sulfonylurea 33,1% (63 bệnh nhân). Tỷ lệ này gần giống với nghiên cứu của Trần Tiến Thành (2021) với tỷ lệ sử dụng Metformin 44% (139 bệnh nhân) Sulfonylurea 35,4% (113 bệnh nhân) là loại thuốc hàng đầu được ưu chuộng trong suốt thời gian nghiên cứu [9]. Tại Bệnh viện Đại học Võ Trường Toàn, trong thời gian nghiên cứu bệnh

nhân chủ yếu được chỉ định sử dụng 2 nhóm thuốc uống Glimepirid và Metformin, Acarbose là thuốc được chỉ định ít nhất. Metformin có mặt trong đa số các phác đồ điều trị phối hợp. Kết quả này càng khẳng định Metformin luôn là lựa chọn đầu tiên và hàng đầu trong điều trị đái tháo đường type 2.

Tỷ lệ sử dụng các thuốc đơn trị liệu và phối hợp điều trị đái tháo đường type 2 trong nghiên cứu

Các đơn trị liệu chiếm 42,1%. Trong đó Glimepirid (21%) và Metformin (20%) được sử dụng chủ yếu trong điều trị. Việc sử dụng Metformin ở thời điểm đầu trị liệu đái tháo đường type 2 đã được Bộ Y tế (2020) khuyến cáo, cùng với tăng huyết áp thay đổi lối sống (gồm kiểm soát cân nặng, chế độ ăn) [1]. Phối hợp 2 loại chiếm 56,4% chủ yếu là kết hợp metformin với sulfonylurea, đáp ứng với các khuyến cáo hiện hành khi HbA1c $\geq$ 9%, phối hợp 3 thuốc chỉ chiếm 1,5%. Kết quả nghiên cứu này tương tự với nghiên cứu của Trần Tiến Thành (2021) tại Cần Thơ: 2 thuốc là cao nhất chiếm tỷ lệ 64,4%, 1 thuốc là 27% và phối hợp 3 thuốc là 8,6% [9]. Trong các phác đồ điều trị hai thuốc, phác đồ Metformin kết hợp với Sulfonylurea được sử dụng nhiều nhất. Theo khuyến cáo của Bộ Y tế, nếu HbA1c > 9,0% mà mức glucose huyết lúc đói > 13,0 mmol/l thì có thể chỉ định hai loại thuốc viên hạ glucose máu [1]. Trong nghiên cứu của chúng tôi phối hợp Metformin + Glimepirid là phổ biến nhất trong các phác đồ đôi. Rất ít trường hợp phối hợp giữa Glimepirid với Insulin.

Các tương tác thuốc gặp trong nghiên cứu

Trong 6 đơn thuốc phối hợp, 4 đơn có tương tác (66,7%), chủ yếu là các tổ hợp có metformin, insulin và sulfonylurea. Tương tác chủ yếu là hiệp đồng dược lực học, làm tăng nguy cơ hạ đường huyết hoặc tác dụng phụ trên tiêu hóa. Do đó, cần theo dõi đường huyết thường xuyên và điều chỉnh liều phù hợp, đặc biệt ở bệnh nhân suy thận khi dùng metformin để phòng ngừa nhiễm toan lactic.

5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu được thực hiện trên 191 bệnh nhân đái tháo đường type 2, với độ tuổi trung bình là 60,5 và nữ giới chiếm đa số (60,7%). Phần lớn bệnh nhân có bệnh mắc kèm (74%), trong đó rối loạn lipid máu (94,2%) và tăng huyết áp (84,8%) là phổ biến nhất. Về điều trị, Gliclazide và Insulin là hai thuốc được sử dụng nhiều nhất, lần lượt chiếm 99% và 96,9%. Đa số bệnh nhân được kê toa phối hợp thuốc (58%), phổ biến nhất là phối hợp Metformin + Glimepirid (43,3%).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Y tế (2020), *Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị Đái tháo đường type 2*, Hà Nội.
- [2] Đỗ Trung Quân (2007), *Đái tháo đường và điều trị*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

- [3] Hồng Mỹ Ngọc (2022), *Khảo sát tình hình sử dụng thuốc ở bệnh nhân đái tháo đường type 2 điều trị ngoại trú tại Trung tâm Y tế Thị xã Vĩnh Châu, Tỉnh Sóc Trăng năm 2020-2021*, Luận văn Thạc sĩ Dược học, Trường Đại học Tây Đô.
- [4] Kiều Thị Tuyết Mai (2020), “Tỉ lệ mắc và chi phí y tế liên quan tới hạ đường huyết ở bệnh nhân đái tháo đường type 2 tại Việt Nam”, *Tạp chí Y học Việt Nam*, 490(2).
- [5] Lê Thị Thuý Quỳnh (2022), *Phân tích tình hình sử dụng thuốc điều trị đái tháo đường type 2 tại Khoa Khám bệnh - Trung tâm Y tế Huyện Lâm Thao, Tỉnh Phú Thọ*, Luận văn dược sĩ chuyên khoa cấp I, Trường Đại học Dược Hà Nội, Hà Nội.
- [6] Ngô Quý Châu (2021), *Bệnh học Nội khoa*, Nhà xuất bản Y học, Đại học Y Hà Nội.
- [7] Phù Hạnh Nguyên (2017), *Khảo sát việc sử dụng thuốc điều trị đái tháo đường type 2 ở bệnh nhân cao tuổi điều trị nội trú tại Bệnh viện Đa khoa Thành phố Cần Thơ năm 2016*, Luận văn tốt nghiệp Dược sĩ, Trường Đại học Tây Đô.
- [8] Trần Đức Thọ (2006), *Điều trị học Nội khoa*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
- [9] Trần Tiến Thành (2021), *Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị đái tháo đường type 2 trên Bệnh nhân ngoại trú tại Bệnh viện Đa khoa Thành phố Cần Thơ*, Luận văn Thạc sĩ dược học, Trường Đại học Tây Đô, Cần Thơ.
- [10] Trương Thị Hiếu (2020), *Phân tích tình hình sử dụng thuốc đái tháo đường type 2 tại Phòng khám Ngoại trú Bệnh viện Nội Tiết Thanh Hoá*, Luận văn dược sĩ chuyên khoa cấp I, Trường Đại học Dược Hà Nội, Hà Nội.